

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05-01-2024

V/v: Ly hôn giữa

anh Kh và chị D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh Nghiêm Xuân Kh, sinh năm 1991; có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn V, xã Ch, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. **Bị đơn:** chị Bùi Thị D, sinh năm 1995; có đơn xin xử vắng mặt.

Đăng ký HKTT: thôn V, xã Ch, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: nhà ông Hoàng Xuân Lộc, khu Q, thị trấn C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-11-2023; biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2023 và đơn đề nghị, nguyên đơn anh Nghiêm Xuân Kh trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Bùi Thị D kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Ch, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 14-5-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, chị D chơi bời vay nợ, không bàn bạc với anh, kinh tế không trung thực, anh yêu cầu chị D công khai khoản tiền gửi của vợ chồng thì chị D không thực hiện dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10-2021 và sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nghiêm Xuân M, sinh ngày 15-7-2015 và Nghiêm Trà M, sinh ngày 30-10-2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả hai con đều do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không thăm hỏi, không có trách nhiệm gì với con. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về chia tài sản chung: vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được, đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn chị Bùi Thị D trình bày: chị được biết Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh Kh. Chị nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết vụ án nhưng do công việc bận, chị không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà cho chị được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Quan điểm của chị như sau:

Về hôn nhân: chị và anh Kh kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 14-5-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng va chạm đánh cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2021 đến nay. Nay anh Kh có đơn khởi kiện ly hôn, chị đồng ý.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nghiêm Xuân M, sinh ngày 15-7-2015 và Nghiêm Trà M, sinh ngày 30-10-2020. Nếu ly hôn, chị để anh Kh

trực tiếp nuôi cả hai con. Anh Kh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về chia tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2023, cháu Nghiêm Xuân M là con chung của anh Kh và chị D trình bày: nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là muốn được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: xử cho anh Nghiêm Xuân Kh được ly hôn chị Bùi Thị D; về nuôi con chung: anh Kh và chị D có 02 con chung là Nghiêm Xuân M, sinh ngày 15-7-2015 và Nghiêm Trà M, sinh ngày 30-10-2020. Giao cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Kh; về chia tài sản: anh Kh, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: anh Kh phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* anh Nghiêm Xuân Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Bùi Thị D. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Chị D là bị đơn đang cư trú tại khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, tuy nhiên chị D đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Kh có đơn xin xử vắng mặt, chị D có đơn xin vắng mặt tại

phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Kh, chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: anh Nghiêm Xuân Kh và chị Bùi Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 15-4-2014 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Vợ chồng anh Kh, chị D đã sống ly thân nhau từ tháng 10-2021. Hội đồng xét xử thấy: vợ chồng anh Kh, chị D sống ly thân nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho anh Kh được ly hôn chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: anh Kh và chị D có 02 con chung là Nghiêm Xuân M, sinh ngày 15-7-2015 và Nghiêm Trà M, sinh ngày 30-10-2020. Từ khi vợ chồng anh Kh, chị D sống ly thân, anh Kh trực tiếp nuôi hai con vẫn đảm bảo cuộc sống tốt cho các con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu M xin được ở với bố, chị D đồng ý để anh Kh nuôi cả hai con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chấp nhận sự tự nguyện của anh Kh không yêu cầu chị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: anh Kh, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: anh Kh phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa anh Nghiêm Xuân Kh và chị Bùi Thị D.

2. Về nuôi con chung: giao cho anh Nghiêm Xuân Kh trực tiếp nuôi hai con chung là Nghiêm Xuân M, sinh ngày 15-7-2015 và Nghiêm Trà M, sinh ngày 30-10-2020. Chị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: anh Kh, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Nghiêm Xuân Kh phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng anh Kh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003536 ngày 09-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (anh Kh đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: anh Kh, chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Ch;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên